TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **89**/2022/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 27 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa:

** Nguyên đơn:* Anh Trần Xuân T, sinh năm 1995;
Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Địa chỉ: Thôn Phù Yên, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1997;
Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Địa chỉ: Thôn Lâm Tiến, xã Minh D, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Xuân T và chị Hoàng Thị M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2019 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 11 tháng 02 năm 2019 cho chị Hoàng Thị M và anh Trần Xuân T không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2020 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Trần Gia H, mức cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Hoàng Thị M nếu anh Trần Xuân T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng Anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, đất đai chung: Anh Trần Xuân T và chị Hoàng Thị M xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Trần Xuân T và chị Hoàng Thị M xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Xuân T tự nguyện nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*; phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuoi con chung; toognr số tiền án phí Anh T phải nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004699, ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Chị Hoàng Thị M không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã P (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền